

Bản án số: 370/2024/HC-PT
Ngày: 08 - 5 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 10/2024/TLPT-HC ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 2156/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 689/2024/QĐPT-HC ngày 18 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Huỳnh Tấn T (có mặt)

Địa chỉ: A N, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Võ Quang B (có mặt)

Địa chỉ: E N, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 14784 ngày 14/7/2017 lập tại Văn phòng C1).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Hồ Thị Phùng H – Công ty L (có mặt)

Địa chỉ: E đường N, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân Quận G.

Địa chỉ: G đường T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T1 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G (xin xét xử vắng mặt)

(Giấy ủy quyền số 2683/GUQ-UBND ngày 03/6/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Thanh T2 - Chuyên viên Phòng T4 (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị T3 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A N, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Võ Thị Đ (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A C, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông Nguyễn S (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A C, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T3, bà Đ, ông S: Ông Võ Quang B (có mặt)

Địa chỉ: E N, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 14784 ngày 14/7/2017 lập tại Văn phòng C1).

4/ Ủy ban nhân dân phường T, Quận G (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường số A, khu phố B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện là Ủy ban nhân dân Quận G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Huỳnh Tấn T trình bày:

Năm 1994, ông và ông Nguyễn S nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 500m² đất của bà Ngô Thị C thuộc một phần thửa 458, tờ bản đồ số 5TQĐ tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện N (N thuộc phường T, Quận G), Thành phố Hồ Chí Minh. Khi nhận chuyển nhượng ông T và ông S thỏa thuận để ông T đại diện đứng tên đất chuyển nhượng.

Ngày 21/9/1994, bà C lập Giấy xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T, ông T làm Đơn xin sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã T, huyện N xác nhận ngày 29/9/1994.

Ngày 28/9/1994, Ủy ban nhân dân xã T, huyện N lập Biên bản xác định ranh giới diện tích và nguồn gốc sử dụng phần đất nêu trên. Năm 1999, ông T giao trả 250m² đất cho ông S, hai bên lập Giấy xin nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân Phường H1, quận T xác nhận chữ ký ngày 02/8/1999, ông T còn sử dụng 250m². Từ khi chuyển nhượng đất của bà C, ông T đã sử dụng trồng hoa màu, được cấp sổ nông nghiệp và nộp thuế nông nghiệp cho đến năm 2003 thì ngưng (Do chính sách Nhà nước), có kê khai đăng ký đất theo

Quyết định số 3376/QĐ-UB-QLĐT ngày 11/6/1999 và Chỉ thị số 22/1999/CT-UB-QLĐT ngày 28/7/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố H và Nghị định số 88/CP ngày 17/8/1994 của Chính Phủ được Chi cục thuế Q xác định diện tích đóng thuế đất theo tờ kê khai nộp thuế đất với diện tích 250m². Trong quá trình sử dụng đất ông T có làm thủ tục đề cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận.

Ngày 07/12/2006, Ủy ban nhân dân Quận G ban hành Quyết định số 20/QĐ-UBND để thu hồi phần diện tích 76,5m² thuộc một phần thửa rạch, tờ bản đồ số 5, xã T, huyện N (Theo Tài liệu 02/CT-UB) với lý do việc mua bán đất rạch không hợp pháp. Không đồng ý với quyết định trên nên ông T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 07/12/2006 của Ủy ban nhân dân Quận G.

Theo ông T, khi nhận chuyển nhượng đất của bà C thì thực tế phần đất đó đã được san lấp không còn là rạch, có đường như hiện hữu nên đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện N lập biên bản xác định ranh giới diện tích và nguồn gốc sử dụng đất. Theo bản đồ hiện trạng năm 2006 do Ủy ban nhân dân Quận G lập thì phần đất 76,5m² bị thu hồi không còn là rạch nữa vì đã bị các hộ dân san lấp sử dụng và đã có quy hoạch là khu dân cư hiện hữu chỉnh trang. Do đó, việc Ủy ban nhân dân Quận G thu hồi phần đất nêu trên của ông T là không đúng, nên ông T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 07/12/2006 của Ủy ban nhân dân Quận G.

Người bị kiện Ủy ban N1 có văn bản ý kiến trình bày:

Nguồn gốc đất: Năm 1994, ông Nguyễn S cùng ông Huỳnh Tấn T nhận chuyển nhượng của bà Ngô Thị C diện tích 500m² thuộc một phần thửa 458 tờ bản đồ số 5, xã T, huyện N. Ông T đại diện đứng tên làm thủ tục nhận chuyển nhượng đất của bà C. Đến năm 1999, ông T lập giấy xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất 250m² cho ông Nguyễn S. Ông T còn lại 250m². Theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 05084-1/ĐĐBĐ – VPQ7 ngày 28/11/2006 do Trung tâm đo đạc bản đồ lập trong phần đất 250m² có 76,5m² thuộc rạch (Tài liệu bản đồ 02/CT-UB).

Ngày 07/12/2006, Ủy ban nhân dân Quận G ban hành Quyết định số 20/QĐ-UBND về việc thu hồi 76,5m² đất thuộc rạch (Tài liệu bản đồ 02/CT-UB) do ông Huỳnh Tấn T sử dụng và tạm giao toàn bộ diện tích trên cho Ủy ban nhân dân phường T quản lý.

Ngày 09/3/2007, Ủy ban nhân dân phường T đã tiến hành tổng đạt quyết định trên cho ông T.

Ngày 09/5/2007, Ủy ban nhân dân Quận G lập biên bản xác định ranh mốc bàn giao cho Ủy ban nhân dân phường T quản lý hiện trạng phần đất thu hồi.

Từ những cơ sở trên, căn cứ Luật đất đai 2003, Ủy ban nhân dân Quận G ban hành Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 07/12/2006 về thu hồi 76,5m² đất rạch (Tài liệu bản đồ 02/CT-UB) do ông T sử dụng là đúng quy định pháp luật,

yêu cầu khởi kiện của ông T hủy quyết định trên là không có căn cứ.

Người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T3, bà Đ và ông S là Ông Võ Quang B có ý kiến trình bày:

Bà T3, bà Đ và ông S có cùng ý kiến với ông T, đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 07/12/2006 của Ủy ban nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường T, Quận G trình bày:

Vị trí đất ông T bị thu hồi thuộc một phần rạch (a) tờ bản đồ số 5, xã T, huyện N (theo Tài liệu 1990). Năm 2006, Ủy ban nhân dân Quận G ban hành Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 07/12/2006 thu hồi phần đất rạch ông T đang sử dụng. Năm 2007, Ủy ban nhân dân Quận G tổ chức cắm mốc ranh và tạm giao cho Ủy ban nhân dân phường T quản lý. Năm 2010, Ủy ban nhân dân phường T có rào bằng hàng rào tre tại khu đất đã có quyết định thu hồi nhằm mục đích tránh người dân xung quanh làm ô nhiễm môi trường. Ngày 25/7/2012, Ủy ban nhân dân Quận G chấp thuận chủ trương quy mô đầu tư công trình xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường.

Ngày 31/8/2020, Ủy ban nhân dân phường T, Quận G có Công văn số 1213/UBND về việc cung cấp hồ sơ pháp lý liên quan đến thửa đất số 458 tờ bản đồ số 5, xã T, huyện N (N thuộc phường T, Quận G) gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó:

Khu đất hiện nay đang sử dụng làm công viên có nguồn gốc là rạch do san lấp lấn chiếm (không thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 341/QSDĐ03 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 22/10/1993) thì Ủy ban nhân dân Quận G đã ban hành các quyết định thu hồi bao gồm: Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 07/12/2006 về việc thu hồi đất rạch do ông (bà) Nguyễn S đang sử dụng với diện tích thu hồi 136.3m²; Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 07/12/2006 về việc thu hồi đất rạch do ông (bà) Huỳnh Tấn T đang sử dụng với diện tích thu hồi 76,5m²; Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 07/12/2006 về việc thu hồi đất rạch do ông (bà) Võ Thị Ngọc K đang sử dụng với diện tích thu hồi 29.5m².

Ngày 29/12/2006, Ủy ban nhân dân Quận G ban hành Quyết định số 31/QĐ-UBND về việc thu hồi đất tạm giao cho Ủy ban nhân dân phường T quản lý, diện tích thu hồi là 441m². Hiện trạng đất trống, sử dụng làm công viên cho những người dân xung quanh khu vực.

Đối với thửa đất thuộc thửa 458 tờ bản đồ số 5, xã T, huyện N thì: Ngày 22/10/1993, bà Ngô Thị C được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 341/QSDĐ03 với diện tích 5.668m², trong đó có thửa đất số 458, tờ bản đồ số 5, bộ địa chính xã T, huyện N (N thuộc phường T, Quận G) diện tích 2.560m², loại đất cây lâu năm khác. Đến ngày 10/10/1995, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 210/QĐ.UBQLĐT về việc thu hồi giấy chứng nhận nêu trên do đất sử dụng không đúng mục đích được giao.

Qua áp ranh sơ bộ bản đồ thì thửa đất 458 tờ bản đồ số 5 xã T, huyện N nay thuộc thửa đất số 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 41 tờ bản đồ số 20 (Theo tài liệu bản đồ 2003) phường T, Quận G. Các thửa đất trên do các ông bà khác kê khai và đã được cấp giấy chứng nhận.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 2156/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn T: Hủy Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 07/12/2006 của Ủy ban nhân dân Quận G về việc thu hồi đất rạch do ông (bà) Huỳnh Tấn T đang sử dụng.

Buộc Ủy ban nhân dân Quận G phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ đúng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/10/2023 người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận G kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân Quận G xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Trần Thanh T2 phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông T vì khu đất ông T đang sử dụng có diện tích 76,5m² theo bản đồ hiện trạng vị trí số 05084-1/ĐĐBĐ-VPQ7 do trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H lập ngày 28/11/2006 thuộc rạch (theo CT-CT-UB). Căn cứ khoản 6 Điều 38 Luật đất đai 2003; Điều 2 Quyết định số 319/2003/QĐ-UB ngày 26/12/2006 của U về ban hành quy định về quản lý việc san lấp và xây dựng công trình trên sông, kênh, rạch, đầm, hồ công cộng thuộc địa bàn TP H thì G ban hành Quyết định số 20 ngày 07/12/2006 về việc thu hồi đất rạch là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

Người khởi kiện là ông Huỳnh Tấn T (có ông Võ Quang B đại diện theo ủy quyền) không đồng ý kháng cáo yêu cầu bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Hồ Thị Phùng H phát biểu ý kiến: Trong hồ sơ xin chuyển nhượng đất của ông T có giấy xin xác định vị trí chuyển nhượng được UBND phường T xác nhận thể hiện tứ cận của đất chuyển nhượng đúng với hiện trạng tứ cận đất hiện nay của ông T. Ủy ban căn cứ chỉ thị 02 năm 1992 để thu hồi đất nhưng không xác định được thời điểm lấn chiếm, ai lấn chiếm và cũng không có văn bản nào xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án triệu tập hợp lệ, người bị kiện xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường T, vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Phần đất có diện tích 76,5m² mà ông Huỳnh Tấn T bị thu hồi theo Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 07/12/2006 của Ủy ban nhân dân Quận G, nằm trong diện tích 500m², tờ bản đồ số 5, thửa 458 ông T nhận chuyển nhượng từ bà Ngô Thị C, theo Giấy xin nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/9/1994, có xác nhận và đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã T ngày 29/9/1994.

Ngày 28/9/1994, Ủy ban nhân dân xã T, huyện N lập Biên bản xác định ranh giới diện tích và nguồn gốc sử dụng phần đất nêu trên, theo đó phần đất phía đông giáp hộ bà Ngô Thị C; phía tây giáp hộ bà Ngô Thị C và Nguyễn Kim V; phía Nam giáp Ngô Thị C chuyển nhượng cho bà Châu N; phía Bắc giáp đường nội bộ. Hiện trạng đất không tranh chấp. Nguồn gốc đã được cấp giấy chứng nhận. Ngày 29/9/1994 ông T có làm “Đơn xin sử dụng đất” và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện N xác nhận.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất ông T có đăng ký kê khai, sử dụng trồng hoa màu, có đóng thuế đất nông nghiệp từ năm 1994 đến năm 2004, đất không có tranh chấp.

[3] Theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 05084-1 ngày 28/11/2006 của Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H thì phần đất của ông T bị thu hồi thuộc một phần rạch (a) tờ bản đồ số 5, diện tích 76,5m² tại xã T, huyện N (Theo Tài liệu 1990); thửa 15 cũ, thửa 15-1, diện tích 57,1m², loại đất T, 15-2, a- diện tích 0,8m², b-diện tích 18,6m² (Theo Tài liệu năm 2003).

[4] Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân Quận 7 lập ngày 25/7/2012 thể hiện phần đất bị thu hồi “hiện tại nằm ở mặt tiền đường số B và vuông góc với hẻm C, khu phố B, phường T, Quận G, ...”.

[5] Người bị kiện căn cứ vào Bản đồ lập theo Chỉ thị 02/CT-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố H, và Bản đồ hiện trạng vị trí số 05084-1 ngày

28/11/2006 của Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh để xác định phần diện tích 76,5m² là đất rạch, từ đó ban hành Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 07/12/2006 thu hồi phần diện tích đất trên là chưa đủ căn cứ, bởi: Theo Tài liệu năm 2003 thì phần diện tích 76,5m² không còn đất rạch. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án thể hiện hiện trạng phần đất đã là khu dân cư hiện hữu. Mặt khác, theo quy định tại Điều 38 Luật đất đai năm 2003 về các trường hợp thu hồi đất thì không có lý do “Mua bán đất rạch không hợp pháp”.

[6] Theo nội dung nêu trong đơn kháng cáo, và tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện cho rằng ông T thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định tại Khoản 6 Điều 38 Luật đất đai năm 2003 là “Đất bị lấn, chiếm”, nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Quá trình ông T quản lý, sử dụng đất cũng không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý về hành vi lấn, chiếm đất, nên không có cơ sở để xem xét.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh nên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[8] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân Quận G phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

Bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận G; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 2156/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Điều 38, 39, 40, 41, 42 và 44 Luật Đất đai năm 2003; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 12 ngày 27/02/2009 quy định về Án phí, lệ phí Tòa; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn T;

Hủy Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 07/12/2006 của Ủy ban nhân dân Quận G về việc thu hồi đất rạch do ông (bà) Huỳnh Tấn T đang sử dụng.

Buộc Ủy ban nhân dân Quận G phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ đúng theo quy định của pháp luật.

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân Quận G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004245 ngày 14/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (6);
- Lưu: hồ sơ vụ án (1), VP (5), 17b (PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Nhựt Bình